

Bản án số: 50/2025/HS-PT

Ngày 31 - 10 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Thẩm phán: Bà **Vương Thị Thu Hà**; bà **Vũ Mỹ Lệ**

- **Thư ký phiên toà:** Bà **Phạm Thanh Huyền** - Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:** Bà **Phạm Thị Hà Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2), xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2025/TLPT-HS, ngày 06/10/2025 đối với bị cáo **Lộc Thị Th**; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo: **Lộc Thị Th** (tên gọi khác: không có), sinh ngày 30/12/1999 tại: huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn N, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là Thôn N, xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số: 0021990053xx, do cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công A cấp ngày 31/01/2023; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Lộc Văn A** và bà: **Nguyễn Thị Ng**; có chồng là **Đán Quang L**; có 02 con: con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công A tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/3/2025, tại thôn N, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ), do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo **Lộc Thị Th** đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt của ông **Lộc Văn A** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn Đỏ - Đen, biển kiểm soát 23B1-722.xx. Sau đó

bị cáo đã mang xe đi cầm cố tại cửa hàng mua bán xe máy cũ của Trịnh Văn M để vay số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 2/4/2025, biết ông A đến cửa hàng của M để chuộc lại xe, bị cáo tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông A. Bị cáo gọi điện thoại cho M nói cần tiền chăm con ốm trong viện, nhờ M nói với ông A số tiền bị cáo đã vay là 6.500.000 đồng và chuyển lại số tiền chênh lệch 1.500.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bị cáo. Giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.xx, tại thời điểm định giá là: 15.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 16.900.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lộc Thị Th khai nhận: Do không có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy của ông Lộc Văn A (bố đẻ của bị cáo), để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, nên khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 30/3/2025, bị cáo một mình đi bộ đến nhà ông A để hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: BLADE, màu sơn: Đỏ - Đen, biển kiểm soát: 23B1-722.30, bị cáo nói với ông A: “*Cho con mượn xe đi mua đồ tạp hoá*”. Ông A có nói với bị cáo “*đi đâu thì đi đến khoảng 18 giờ thì đem xe về cho bố đi Khuôn Phà ăn cơm*”, bị cáo hỏi “*con tưởng bố đi Khuôn Phà trưa nay rồi*”, ông A trả lời “*đi chỗ khác*”. Khi thấy ông A không muốn cho mượn xe, bị cáo đã nói với cháu ruột là Lộc Gia L1, sinh năm 2021, trú tại: thôn N, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) “*Cháu đi với cô để mua đồ cho Mon với Khoai*” (Mon với Khoai là tên gọi khác hai con của bị cáo) với mục đích tạo lòng tin để ông A giao xe cho bị cáo. Khi thấy bị cáo rủ cháu L1 cùng đi mua hàng tạp hoá, ông A đã tin tưởng giao chìa khoá và xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 cho bị cáo mượn. Đồng thời, ông A nói với bị cáo: “*Đi đâu thì đi, đến sáu giờ tối phải đưa xe về để bố đi ăn cơm khách*”. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 23B1-722.30 chở theo cháu L1 đến cửa hàng tạp hoá “HT” tại thôn N1, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (nay là thôn N1, xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang). Tại đây, bị cáo gặp anh Lộc Văn O, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) đang mua đồ, nên bị cáo nhờ anh O đưa cháu L1 về trước, còn bị cáo tiếp tục điều khiển mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 đi tìm nơi cầm cố xe xung quanh khu vực các phường Minh Khai, phường Trần Phú và phường Ngọc Hà thuộc thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang). Khi đi đến cửa hàng trao đổi, mua bán xe máy cũ của Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại: tổ 3, phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là tổ 3, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang), bị cáo đề nghị cầm cố xe cho Đ. Do không có tiền mặt, Đ đã gọi điện cho Trịnh Văn M, sinh năm 1995, trú tại: tổ 5, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (Nay là tổ 5, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang) đến để gặp bị cáo. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, M đến gặp và đưa bị cáo về cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy cũ “MG” tại tổ 5, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là tổ 5, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang). Tại đây, bị cáo nói cần tiền đưa con đi chữa bệnh nên muốn cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 cho M để vay số tiền 5.000.000 đồng. M đồng ý cho bị cáo vay số tiền 5.000.000 đồng, đồng thời giữ xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 và giấy tờ xe để làm tài sản thế chấp. M hẹn bị cáo 10 ngày

sau quay lại trả số tiền gốc đã vay và nhận lại tài sản. Hai bên không thỏa thuận lãi suất vay, không làm giấy tờ vay mượn.

Sau khi vay được tiền, bị cáo đến quán Internet trên đường Võ Thị Sáu thuộc phường Minh Khai, thành phố Hà Giang (cũ) để chơi game. Khoảng 22 giờ cùng ngày, chồng của bị cáo là Đán Quang L, sinh năm 1998, trú tại: thôn N, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) gọi điện yêu cầu bị cáo mang xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 về trả cho ông A. Đến khoảng 00 giờ ngày 31/3/2025, bị cáo đi xe taxi về đến nhà, mẹ chồng bị cáo là bà Tống Thị Phụng hỏi bị cáo mang xe mô tô của ông A đi đâu, bị cáo trả lời “*đi cầm cố rồi*”. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 31/3/2025, ông A đến nhà bị cáo lấy xe, bị cáo đã nói “*đã đem đi đặt cọc lấy tiền trả nợ cá nhân rồi*”, ông A yêu cầu bị cáo 07 giờ 00 đi cùng để lấy xe. Do lo sợ ông A trình báo vụ việc đến cơ quan chức năng, đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo rủ L đi thành phố Hà Nội để tìm việc làm. Trong quá trình bị cáo lưu trú tại thành phố Hà Nội, thì bà Phụng gọi điện hỏi bị cáo về địa chỉ nơi cầm cố xe, bị cáo đã cung cấp số điện thoại và địa chỉ cửa hàng của M cho bà Phụng.

Đến ngày 02/4/2025, khi biết ông A sẽ đến chuộc xe, bị cáo tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt của ông A số tiền 1.500.000 đồng nên bị cáo gọi điện nhờ M báo với ông A rằng bị cáo đã vay số tiền 6.500.000 đồng (*thay vì 5.000.000 đồng thực tế*), đồng thời nhắn tin yêu cầu M chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bị cáo, M đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02/04/2025, ông A đến cửa hàng của M trả số tiền 6.650.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30, trong đó: 6.500.000 đồng là tiền Th vay và 150.000 đồng là tiền ông A tự nguyện cho M để cảm ơn. Sau đó M giao xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30 và giấy tờ xe cho ông A, đồng thời chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bị cáo Th theo yêu cầu trước đó.

Đến ngày 03/04/2025, ông Lộc Văn A gửi đơn tố giác hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đến cơ quan chức năng.

Tổng số tiền 6.500.000 đồng có được từ việc cầm cố tài sản của ông A, bị cáo sử dụng vào các mục đích sau: Trả nợ cho Lý Thị Thu H (sinh năm 1999, nơi thường trú Nhà Lá, xã Minh Ngọc, tỉnh Tuyên Quang) số tiền 2.500.000 đồng. Trả nợ cho Vương Văn Kh (sinh năm 1988, trú tại: thôn N, xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang) số tiền là 1.500.000 đồng. Bị cáo mua một chiếc xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Nouvo, xe không có giấy tờ, không nhớ biển kiểm soát ở thành phố Hà Nội (không nhớ địa điểm mua cụ thể và tên tuổi, địa chỉ, đặc điểm của người bán xe) với số tiền 2.500.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Khoảng 07 ngày sau, do hết tiền tiêu xài, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo đến khu vực thành phố Hà Giang (cũ) bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ với với giá 2.500.000 đồng, sau đó bị cáo trả nợ cho bà Ph số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Bị hại ông Lộc Văn A khai nhận: Ông A xác nhận lời khai của bị cáo Th về quá trình bị cáo Th thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của ông là đúng. Ngày 30/3/2025, bị cáo Th sang nhà ông mượn xe biển kiểm soát 23B1-722.30 nói là để đi

tạp hoá mua đồ cho các con của bị cáo. Do tin tưởng ông đã giao chiếc xe cho bị cáo mượn và yêu cầu bị cáo đến 18h00 cùng ngày trả xe. Đến 20h00 cùng ngày, ông không thấy bị cáo lấy xe về, ông sang nhà để tìm bị cáo nhưng thấy nhà bị cáo khoá cửa, ông không liên lạc được với bị cáo. Đến 07 giờ 00 phút ngày 31/3/2025, ông sang nhà gặp bị cáo Th hỏi về chiếc xe, bị cáo Th trả lời đã cầm cố xe tại thành phố Hà Giang, ông bức mình và nói bị cáo Th đi cùng ông để chuộc xe. Sau đó ông về nhà đưa cháu nội đi học, khi ông quay lại thì không biết Th đã đi đâu, nên ngày 03/4/2025 ông lên trình báo sự việc tại Công an xã. Ngày 02/4/2025, theo sự chỉ dẫn của Th ông cùng bà Ph (mẹ chồng Th) ra thành phố Hà Giang tìm xe để chuộc lại. Tại 01 quán sửa xe máy ở Ngọc Hà, chủ quán cho biết ngày 30/3/2025 Th để lại chiếc xe máy BKS 23B1.722.30 và vay số tiền 6.500.000 đồng và nói do con bị ốm nên cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền chữa trị. Sau khi trao đổi, chủ quán đồng ý cho ông chuộc xe về, ông đã trả số tiền Th vay của chủ quán 6.500.000 đồng và đưa thêm cho chủ quán 150.000 đồng cảm ơn.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 29/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: Giá trị của 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-722.30, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn Đỏ - Đen, số máy JA36E1056121, số khung RLHJA3679MY7656, xe đã qua sử dụng tại thời điểm định giá (tháng 4/2025) là: 15.400.000 đồng.

Từ nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đã xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lộc Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lộc Thị Th 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/5/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, ngày 08 tháng 9 năm 2025 bị cáo Lộc Thị Th có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo trình bày: trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; sau khi phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lộc Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lộc Thị Th 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 21/5/2025).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

- Các nội dung khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Phản tranh luận: Bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến bổ sung. Khi nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có quan điểm: nội dung bản án sơ thẩm đã nêu là đúng với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo không kháng cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

cấp sơ thẩm áp dụng mức án 10 tháng tù đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không cao. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không xuất trình bổ sung được các tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

[6] Các nội dung khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lộc Thị Th, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lộc Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lộc Thị Th 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 21/5/2025).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

4. Các nội dung khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang không có kháng cáo,

không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- PC10, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh;
- TAND khu vực 4;
- VKSND khu vực 4;
- Chi cục THADS khu vực 4;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm